



**Phụ lục số 24. Mẫu thông báo về giá trị tài sản ròng của Quỹ**  
**Appendix 24. Disclosure of information about Net Asset Value of the Fund**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*  
*(Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)*

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF THE FUND**

Ngày 14 tháng 10 năm 2015 / As at 14 October 2015

Tên công ty quản lý quỹ/ Management Fund Company name:  
 Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank:  
 Tên Quỹ/ Fund name:  
 Ngày định giá/Valuation date:  
 Ngày giao dịch/ Dealing date:

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư MB/ MB Capital Management Joint Stock Company**  
**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) / Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.**  
**Quỹ đầu tư giá trị MB Capital/ MB Capital Value Fund**  
**15/10/2015**  
**08/10/2015**

Tên Quỹ Mở Fund Name	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)/ Subscription Fee (% of transaction amount)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)/ Redemption Fee (% of transaction amount)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/ NAV per unit at Valuation Date	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/ NAV per unit last Valuation Date	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/ Change in NAV per unit compared to last Valuation Date (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm/ Change in NAV per unit in 1- year		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN Foreign Investors' Ownership Ratio		
						Mức cao nhất (VND) Highest level (VND)	Mức thấp nhất (VND) Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/ Number of fund unit	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/ Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu Ownership Ratio
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Quỹ đầu tư giá trị MB Capital MB Capital Value Fund	1%	0%-1% (*)	10,965	10,696	2.51%	11,307.00	10,267.00	2,200	23,531,200	0.03%

**Ghi chú / Notes:**

(\*) *Phí mua lại được áp dụng như sau/ Details of redemption fee as below:*

Thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)/  
Number of days holding the Fund Certificate since purchase date(days)  
 Dưới 03 tháng / Under 03 months  
 Trên 03 tháng/ Above 03 months

Phí mua lại/ Redemption fee

1,0% tổng giá trị bán thực hiện được/ 1.0% of redemption amount  
 0% tổng giá trị bán thực hiện được/ 0% of redemption amount

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
 Authorised Representative of Supervising Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ**  
 Authorised Representative of Fund Management Company

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Lê Sỹ Hoàng**  
 Trưởng phòng Nghiệp vụ chứng khoán

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**  
**Đoàn Kim Dung**  
 Giám đốc tài chính